TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/DSST
Ngày: 29/7/2019
V/v"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒAÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu;
*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Hà Trọng Khá và bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Siêng- Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:Ông Phạm Hải Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 29tháng7năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 377/2012/TLST - DS ngày 12 tháng 11 năm 2012về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; nơi cư trú: đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:*

+ Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1977; nơi cư trú: Buôn M, xã P, huyện S, tỉnh Phú Yên. vắng mặt(có yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2012và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hồ Thị Thanh S trình bày được tóm tắt như sau:* Yêu cầu ông Nguyễn Đức B và bà Nguyễn Thị H trả nợ tiền mua xe trả góp theo Hợp đồng ngày 02/8/2011 là 4.600.000đ, tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày mua xe cho đến khi trả hết nợ.

** Bị đơn là ông Nguyễn Đức B trình bày được tóm tắt như sau:*Vào ngày 02/8/2011, ông B và bà Nguyễn Thị H có mua xe máy hiệu Suvina, màu sơn đỏ đen, số khung 6H230591, số máy 6H 230591của Doanh nghiệp tư nhân thương mại (DNTNTM) T (do bà Hồ Thị Thanh S làm chủ), số tiền mua xe là 11.000.000đ, bà H ký bảo lãnh trong Hợp đồng. Bà S cho trả góp trong hạn 06 tháng nên tính luôn cả lãi nữa là 11.600.000đ. Ông và bà H đưa trước 7.000.000đ còn nợ lại 4.600.000đ. Từ ngày mua xe đến nay chưa trả cho bà S khoản tiền nào nữa hết. Khi mua xe, ông chỉ giữ bản phô tô giấy đăng ký xe tên Lê Văn T để sử dụng, còn bản chính bà S giữ, không nhớ biển số xe. Hiện nay ông và bà H đã ly hôn nên không biết bà H bỏ đi đâu. Nay bà S khởi kiện yêu cầu ông và bà H trả nợ gốc 4.600.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày mua xe đến khi trả xong nợ thì ông chấp nhận.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt nên không trình bày.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T trình bày được tóm tắt như sau:*Ông là nhân viên của DNTN TM T chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, được bà Hồ Thị Thanh S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì Ông sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông T không phải là chủ sở hữu các xe mô tô do DNTN TM T bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà S giữ). Bản thân ông là chủ sở hữu đối với 02 xe gắn máy loại cup 50 (Giấy đăng ký xe biển số 78AF-020.96 và 78AF-02039).

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơnvà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 428, 438, 461 Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S buộc ông Nguyễn Đức B trả 4.600.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về hợp đồngmua bán tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng dân sựquy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sựthuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

Tại đơn khởi kiện, bà Hồ Thị Thanh S khởi kiện ông Nguyễn Đức B và bà Nguyễn Thị H nên căn cứ khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định lại tư cách tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và bị đơn ông Nguyễn Đức B có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn T được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xửcăn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]Về yêu cầu khởi kiện: Về quyền sở hữu đối với xe mô tô 78G1-024.34:Cùng với việc khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bản phô tôHợp đồng mua xe máy trả góp lập ngày02/8/2011 và bản phô tô Giấy cam kết nhận nợ mua xe trả góp lập ngày 02/8/2011. Theo đó: Đối tượng mua bán là xe hiệu Suvina, màu sơn đỏ đen, có số khung 6H230591, số máy 6H230591, số tiền còn nợ lại 4.600.000đ, thời gian góp 06 tháng, các bên cam kết "*khi mua xe thì bên mua phải ủy quyền cho nhân viên của bà S đứng tên chủ sở hữu xe, kể từ ngày ký hợp đồng chiếc xe là tài sản sở hữu của bà S, khi nào trả hết nợ cho bà S thì nhân viên ký giấy bán có xác nhận của chính quyền địa phương, bà S hết trách nhiệm về mặt giấy tờ đối với bên mua, tiền sang tên và thuế trước bạ lần 2, bên B phải chịu".*Tòa án đã yêu cầu bà S cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sở hữuđối với xe mô tô hiệu Suvina màu sơn đỏ đen,có số khung 6H230591, số máy 6H230591(Giấy đăng ký xe) nhưng bà S không cung cấp cho Tòa án.

Căn cứ Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 26/11/2008,Công an huyện Đông Hòa cung cấp thông tin:Chủ xe mô tô 78G1-024.34 là ông Lê Văn T (sinh năm 1982, trú tại: Thạch Chẩm, Hòa Xuân Tây, huyện Đông Hòa, Phú Yên).

Căn cứ lời trình bày của ông T thì xe mô tô biển số 78G1-024.34 mà Doanh nghiệp tư nhân thương mại (DNTNTM) T bán cho ông Nguyễn Đức B mặc dù đứng tên Lê Văn T nhưng thuộc quyền sở hữu của DNTN TM T.

[3] Như vậy, căn cứ lời trình bày của bị đơn Nguyễn Đức B thừa nhận có mua xe mô tô Suvina, màu sơn đỏ đen, có số khung 6H230591, số máy 6H230591 của DNTN TM T; phù hợp với lời trình bày của ông T và Hợp đồng mua bán xe máy trả góp ngày 02/8/2011 (phô tô) nên Hội đồng xét xử công nhận Hợp đồng mua xe máy trả góp lập ngày 02/8/2011giữa DNTNTM T và ông Nguyễn Đức Blà có thật và có hiệu lực thi hành.

Thực hiện hợp đồng mua bán xe máy trả góp, ông Nguyễn Đức B không trả nợ theo đúng cam kết thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông Nguyễn Đức Bphải trả cho bà Hồ Thị Thanh S - Chủ DNTN TM T số tiền mua xe còn nợ là 4.600.000đ.

Về tiền lãi chậm trả tiền: Trong Hợp đồng mua bán xe máy trả góp, hai bên thỏa thuận *"thời gian góp 6 tháng, kể từ ngày 02/8/2011 khi giao nhận xe, trả chậm sẽ chịu phạt số tiền bằng 2,5%/tháng số tiền trả chậm hàng tháng"*. Trong giấy cam kết nhận nợ mua xe trả góp ngày 02/8/2011, 02 bên thỏa thuận*"mỗi tháng cam kết trả tiền góp xe theo đúng ngày nhận nợ nếu nộp trễ thì tính lãi suất phạt theo ngày*

0.3% trên tổng số tiền nợ".Về thỏa thuậnlãi suất chậm trả tiền 2,5%/tháng trong Hợp đồng và 0.3%/ngày (tương đương 9%/tháng)là vượt quá quy địnhtại Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 nên điều chỉnh lại mức lãi suất chậm trả tiền bằng 150% lãi suất cơ bản 9%/năm (Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010).

Tiền lãi phải trả từ ngày 02/8/2011 đến ngày 29/7/2019là: 4.600.000đx 1.125%/tháng x 07 năm 11 tháng 27 ngày= 4.962.825đ

Tổng cộng tiền nợông Bphải trả cho nguyên đơn là: 4.600.000đ + 4.962.825đ= 9.562.825đ.

[4] Vềyêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị H phải trả nợ: Trong Hợp đồng mua bán xe ngày 02/8/2011 và Giấy cam kết nhận nợ mua xe trả góp ngày 02/8/2011, bà Nguyễn Thị H ký người bảo lãnh. Tại thời điểm giao kết hợp đồng thì bà H và ông B là vợ chồng. Do đó, nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng mua bán xe máy trả góp nêu trên là nợ chung của vợ chồng theo quy định tại khoản Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cùng với ông B cho bà S.

Sau khi ông B, bà H trả hết nợ và có yêu cầu thủ tục sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78G1-024.34thì bà S và ông T phải có trách nhiệm hoàn tất thủ tục sang tên cho ông B, bà H; ông B, bà H phải chịu lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Đức Bvà bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, các điều147, 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụngcác điều 428, 431, 432, 438, 439, 461 và 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụQuốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc ông Nguyễn Đức B và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S khoản tiền nợcủa Hợp đồng mua xe mô tô trả góp ngày 02/8/2011 số tiền: 4.600.000đ(bốn triệu sáu trăm nghìn đồng);tiền lãi do chậm trả tiền: 4.962.825đ(bốntriệu chín trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng). Tổng cộnglà9.562.825đ(chín triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn támtrăm hai mươi lăm đồng).

Sau khi ông Nguyễn Đức B, bà Nguyễn Thị H trả xong nợ và có yêu cầu thủ tục sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78G1-024.34, số khung FMH36L230591, số máy MN6H230591thì bà Hồ Thị Thanh S và ông Lê Văn T có trách nhiệm hoàn tất thủ tục sang tên sở hữu xe cho ông Nguyễn Đức B, bà Nguyễn Thị H, lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2 do ông B, bà H chịu.

[2] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 30/7/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]Về án phí:Ông Nguyễn Đức Bvà bà Nguyễn Thị H phải nộp478.000đ(bốn trăm bảy mươitám nghìn đồng)án phí dân sự sơ thẩm.Hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền 115.000đ(một trăm mườilăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 10023 ngày 07 tháng 11 năm 2012của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thu

Nơi nhận:
-VKSND thành phố Tuy Hòa;
-TAND tỉnh Phú Yên;
-Các đương sự;
-Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa;
-Lưu hồ sơ.